

BIỂU MẪU CÔNG KHAI

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 01**PHÒNG GDĐT PHÚ GIÁO
TRƯỜNG MẦM NON TAM LẬP****BÁO CÁO
CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA CƠ SỞ GDMN tháng 12/2023
Năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Trẻ có năng lực và hành vi phù hợp độ tuổi để ứng xử trong giao tiếp hàng ngày giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống còn 0%. trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi 0%. Tỷ lệ trẻ thừa cân 20%; , béo phì 0%.	Trẻ có năng lực và hành vi phù hợp độ tuổi để ứng xử trong giao tiếp hàng ngày tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống còn 0.88%. Trẻ thấp còi 2.65 giảm 1.77% so với đầu năm. Tỷ lệ trẻ thừa cân 5.3% giảm 1.6%, béo phì 8.84% không tăng không giảm so với đầu năm học.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Triển khai và chỉ đạo việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non (Chương trình ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT và theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT)	
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	+ Phát triển thể chất: 85% trẻ trong lớp đạt được. + Phát triển nhận thức: 88.23% trẻ trong lớp đạt được. + Phát triển ngôn ngữ: 78.53% trẻ trong lớp đạt được. + Phát triển tình cảm xã hội: 82.15% trẻ trong lớp đạt được.	+ Phát triển thể chất: 88.18% trẻ trong lớp đạt được. + Phát triển nhận thức: 82.53% trẻ trong lớp đạt được. + Phát triển ngôn ngữ: 87.93% trẻ trong lớp đạt được. + Phát triển tình cảm xã hội: 95.63% trẻ trong lớp đạt được. + Phát triển thẩm mỹ: 83.18% trẻ trong lớp đạt được.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi theo hướng chuẩn, hiện đại và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ 100%. - Có đầy đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho mỗi trẻ đạt 100%. - Cam kết với các công ty thực phẩm đảm bảo giá cả, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm. - Đảm bảo nguồn nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học.	

Tam Lập, ngày 30 Tháng 12 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Mộng Thu

BIỂU MẪU CÔNG KHAI

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 02

PHÒNG GD&ĐT PHÚ GIÁC

TRƯỜNG MN TAM LẬP

BÁO CÁOBa công khai cam kết chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học: Năm học 2023-2024
tháng 12/2023

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	118/48	0	0	5/3	24/10	37/12	52/23
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	118/48	0	0	5/3	24/10	37/12	52/23
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0		0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	118/48	0	0	5/3	24/10	37/12	52/23
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	118/48	0	0	5/3	24/10	37/12	52/23
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	118/48	0	0	5/3	24/10	37/12	52/23
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	117/47			5/3	24/10	37/12	51/22
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	1/133			0	0	0	1/1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	115/47			5/3	24/10	36/12	50/22
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	3/1			0	0	1/0	2/1
5	Số trẻ thừa cân béo phì	17/7			1/0	0	3/2	13/5
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	118/48	0	0	5/3	24/10	37/12	52/23
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	5/3			5/3			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	113/45				24/10	37/12	52/23

Tam Lập, ngày 30 tháng 12 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



TRƯỜNG
MẦM NON
TAM LẬP

Nguyễn Mộng Thu

BIỂU MẪU CÔNG KHAI

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 03**PHÒNG GD&ĐT PHÚ GIÁO
TRƯỜNG MN TAM LẬP****BÁO CÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024
tháng 12/2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	6	2.3 m ² /1 trẻ
1	Phòng học kiên cố	6	2.3 m ² /1 trẻ
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	17.356	118,06m ²
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	5221	35.51m ²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	80	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	14.1	
4	Diện tích sân chơi (m ²)	0.65 m ²	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	80	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	70.52	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	150	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	6	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	12	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	Tivi 6, máy tính 6, đàn organ: 2 (hư),	

X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)			1 bộ máy tính làm quen tiếng anh.		Số thiết bị/nhóm (lớp)	
		Số lượng(m ²)					
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em		
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ	
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	20	14.1		0.6		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*						

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Tam Lập, ngày 30 Tháng 12 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



* Nguyễn Mộng Thu

BIỂU MẪU CÔNG KHAI

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 04

PHÒNG GDĐT PHÚ GIÁC

TRƯỜNG MN TAM LẬP

BÁO CÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024 tháng 12/2023

non, năm học 2023-2024 tháng 12/2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	24/22							8	7				
I	Giáo viên	14			10	3	1	0		7	7			
1	Nhà trẻ	3			2	1	0	0		1	2			
2	Mẫu giáo	11			8	2	1	0		6	5			
II	Cán bộ quản lý	2												
1	Hiệu trưởng	1			1						1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1			
III	Nhân viên	8												
1	Nhân viên văn thư													
2	Nhân viên kế toán	1			1									
3	Thủ quỹ	0												
4	Nhân viên y tế	1					1							
5	Nhân viên khác	6												
	Bảo vệ	2												
	NVPV	1												
..	Cấp dưỡng	3												

Tam Lập, ngày 30 Tháng 12 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị


Nguyễn Mộng Thu

X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	1 bộ máy tính làm quen tiếng anh.		Số thiết bị/nhóm (lớp)		
		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	20	14.1		0.6	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Tam Lập, ngày 30 Tháng 12 năm 2023
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ


TRƯỜNG
MẦM NON
TAM LẬP
Nguyễn Mộng Thu

4BIỂU MẪU CÔNG KHAI

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 01

PHÒNG GDĐT PHÚ GIÁO
TRƯỜNG MẦM NON TAM LẬP

BÁO CÁO
CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA CƠ SỞ GDMN tháng 05/2024
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Trẻ có năng lực và hành vi phù hợp độ tuổi để ứng xử trong giao tiếp hàng ngày. Tỷ lệ trẻ PTBT 100%.	Trẻ có năng lực và hành vi phù hợp độ tuổi để ứng xử trong giao tiếp hàng ngày tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống còn 0%. Trẻ thấp còi 0.84% giảm 3.53% so với đầu năm. Tỷ lệ trẻ thừa cân 1.79% giảm 4.41%, béo phì 5.36% giảm 3.49% so với đầu năm học.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Triển khai và chỉ đạo việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non (Chương trình ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT và theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT)	
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	+ Phát triển thể chất: 93.5% trẻ trong lớp đạt được. + Phát triển nhận thức: 90% trẻ trong lớp đạt được. + Phát triển ngôn ngữ: 92.5% trẻ trong lớp đạt được. + Phát triển tình cảm xã hội: 91.15% trẻ trong lớp đạt được.	+ Phát triển thể chất: 98.56% trẻ trong lớp đạt được. + Phát triển nhận thức: 95.77% trẻ trong lớp đạt được. + Phát triển ngôn ngữ: 95.50% trẻ trong lớp đạt được. + Phát triển tình cảm xã hội: 97.99% trẻ trong lớp đạt được. + Phát triển thẩm mỹ: 96.39% trẻ trong lớp đạt được.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi theo hướng chuẩn, hiện đại và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ 100%. - Có đầy đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho mỗi trẻ đạt 100%. - Cam kết với các công ty thực phẩm đảm bảo giá cả, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm. - Đảm bảo nguồn nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học.	

Tam Lập, ngày 10 Tháng 05 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
MẦM NON
TAM LẬP
Nguyễn Mộng Thu

BIỂU MẪU CÔNG KHAI

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 02**PHÒNG GD&ĐT PHÚ GIÁC****TRƯỜNG MN TAM LẬP****BÁO CÁO****Ba công khai cam kết chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học: Năm học 2023-2024
tháng 05/2024**

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	119/46	0	0	7/4	24/9	38/11	50/22
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	119/46	0	0				
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0		0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	119/46	0	0	7/4	24/9	38/11	50/22
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	119/46	0	0	7/4	24/9	38/11	50/22
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	119/46	0	0	7/4	24/9	38/11	50/22
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	106/119			7/4	22/24	35/38	42/50
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0/119			0	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	118/119			7/4	24/9	38/11	49/22
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	1/119			0/7	0/24	0/38	1/50
5	Số trẻ thừa cân béo phì	8/119			0/7	0/24	1/38	7/50
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	119/46	0	0	7/4	24/9	38/11	50/22
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	7/4			7/4			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	112/42				24/9	38/11	50/22

Tam Lập, ngày 10 tháng 05 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON TAM LẬP
Nguyễn Mộng Thu

BIỂU MẪU CÔNG KHAI

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 03**PHÒNG GDĐT PHÚ GIÁC****TRƯỜNG MN TAM LẬP****BÁO CÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024
tháng 5/2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	6	2.3 m ² /1 trẻ
1	Phòng học kiên cố	6	2.3 m ² /1 trẻ
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	17.356	118,06m ²
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	5221	35.51m ²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	80	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	14.1	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	0.65 m ²	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	80	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	70.52	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	150	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	6	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	12	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	Tivi 6, máy tính 6, đàn organ: 2 (hư)	

X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	1 bộ máy tính làm quen tiếng anh.	Số thiết bị/nhóm (lớp)
		Số lượng(m ²)	
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Số m ² /trẻ em
		Chung Nam/Nữ	Chung Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	20	14.1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Tam Lập, ngày 10 Tháng 05 năm 2024



Nguyễn Mộng Thu

BIỂU MẪU CÔNG KHAI

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 04

PHÒNG GDĐT PHÚ GIÁO

TRƯỜNG MN TAM LẬP

BÁO CÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024 tháng 5/2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	22/20								4	9				
I	Giáo viên	12			10	1	1	0		4	7				
1	Nhà trẻ	1			1	0	0	0			1				
2	Mẫu giáo	11			9	1	1	0	1	4	6				
II	Cán bộ quản lý	2													
1	Hiệu trưởng	1			1						1				
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1				
III	Nhân viên	8													
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên khác	6													
	Bảo vệ	2													
	NVPV	1													
..	Cấp dưỡng	3													

Tam Lập, ngày 10 Tháng 05 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Mộng Thu